TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2018/HS-ST
Ngày 15-3-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Trương Minh Huế

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Duy Tuân

Bà Nguyễn Thị Lợi

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Nguyễn Thị Liên - Thư ký Toà án nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Ông Lê Trịnh Nhật - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện A, Toà án nhân dân huyện A xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 09/2018/TLST-HS ngày 31 tháng 01 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2018/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 3 năm 2018 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn Q, sinh năm 1997 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn K, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá: Lớp 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị M1; vợ: Lê Thị T (không đăng ký kết hôn) và có 01 con; tiền án: Tại Bản án số 67/2016/HSST ngày 27 tháng 10 năm 2016, Tòa án nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng xử phạt Nguyễn Văn Q 15 tháng tù về tội: "Trộm cắp tài sản"; tiền sự: Không; bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 23 tháng 11 năm 2017, chuyển tạm giam từ ngày 01 tháng 12 năm 2017 đến nay; có mặt.

- *Bị hại:* Anh Trần Văn N (tên gọi khác: Trần Minh H), sinh năm 1999; nơi cư trú: Thôn H1, xã Đ, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- *Những người làm chứng:* Anh Phạm Văn Đ, chị Phạm Thị M2, anh Phạm Văn H2, anh Phạm L; đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 20 giờ ngày 23 tháng 11 năm 2017, Nguyễn Văn Q điều khiển xe mô tô Airblade biển số 16M8-3499 đi qua thôn H1, xã Đ, huyện A, thành phố Hải Phòng thì nhìn thấy chiếc xe mô tô Sirius biển số 16R8-4225 của anh Trần Văn N dựng phía ngoài cổng nhưng không có người trông. Phát hiện chìa khóa xe vẫn cắm ở ổ điện nên Q đã nảy sinh ý định trộm cắp. Q đi xe của mình lên phía trước một đoạn, dựng xe trước cửa nhà anh Phạm Văn H2 và khóa cổ xe lại. Q đi bộ quay lại nơi để xe của anh N, dắt xe lùi ra đường rồi ngồi lên xe nổ máy bỏ chạy. Sau đó, Q đi xe đến nhà anh Phạm Văn Đ ở thôn T1, xã H3 gửi xe tại đây và nhờ anh Đ lấy xe mô tô chở quay lại thôn H1, xã Đ để lấy xe. Khi Q đến nơi để xe Airblade thì bị người dân nghi ngờ bắt giữ giao cho Công an huyện A.

Sau khi Q bị bắt, Phạm Văn Đ đã đem chiếc xe mô tô do Q gửi đến Công an huyện A giao nộp.

Chiếc xe Sirius biển số 16R8-4225 của Trần Văn N bị chiếm đoạt, giá trị còn khoảng 50% đến 55%, được Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện A định giá 7.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn Q khai nhận như nội dung trên.

Tại Cáo trạng số 13/CT-VKS ngày 31 tháng 01 năm 2018 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện A truy tố bị cáo Nguyễn Văn Q về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1, Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Sau phần xét hỏi công khai tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A phân tích hành vi phạm tội, đánh giá tính chất vụ án, nêu các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1, Điều 173; điểm h, khoản 1, Điều 52; điểm s, khoản 1, Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Q từ 18 đến 24 tháng tù về tội: "Trộm cắp tài sản"; miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng trong điều tra, truy tố, xét xử: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện A, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện A, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

- Về tội danh:

[2] Về chứng cứ xác định có tội:

Lời khai của bị cáo tại phiên toà phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, phù hợp với vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án có đủ căn cứ xác định:

Vào hồi 20 giờ ngày 23 tháng 11 năm 2017, tại thôn H1, xã Đ, huyện A, thành phố Hải Phòng, bị cáo Nguyễn Văn Q đã có hành vi lợi dụng sơ hở của người bị hại để chiếm đoạt tài sản. Trị giá tài sản bị cáo chiếm đoạt của người bị hại là 7.000.000 đồng. Hành vi của bị cáo Q đã phạm vào tội: "Trộm cắp tài sản" vi phạm khoản 1, Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009. Tuy nhiên, theo quy định tại khoản 3, Điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; điểm b, khoản 1, Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 của Quốc Hội về thi hành Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 quy định về tội Trộm cắp tài sản có mức hình phạt nhẹ hơn so với Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009. Do đó, áp dụng khoản 1, Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 (gọi tắt là Bộ luật Hình sự) để quyết định hình phạt đối với bị cáo.

Viện kiểm sát nhân dân huyện A truy tố và đề nghị áp dụng đối với bị cáo Nguyễn Văn Q theo khoản 1, Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

- Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội:

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân, gây mất trật tự trị an xã hội. Chính vì vậy, đối với hành vi phạm tội của bị cáo cần phải được xử phạt nghiêm khắc mới có tác dụng giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

[4] Bị cáo đã bị Tòa án nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng kết án 15 tháng tù về tội: "Trộm cắp tài sản" tại Bản án số 67/2016/HSST ngày 27 tháng 10 năm 2016, chưa được xóa án tích nay lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng "tái phạm" quy định tại điểm h, khoản 1, Điều 52 Bộ luật Hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[5] Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, khoản 1, Điều 51 Bộ luật Hình sự.

- Về hình phạt bổ sung:

[6] Xét bị cáo mới chấp hành xong hình phạt tù, không có việc làm và thu nhập ổn định nên miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Về vật chứng, tang vật:

[7] Cơ quan điều tra đã trả lại 01 xe mô tô Sirius biển số 16R8-4225 cho chủ sở hữu là anh Trần Văn N nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về trách nhiệm dân sự:

[8] Tài sản bị cáo chiếm đoạt đã được trả lại cho chủ sở hữu, anh Trần Văn N không yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xét.

- Về những vấn đề khác:

[9] Chiếc xe mô tô Airblade biển số 16M8-3499 mà Q sử dụng thuộc sở hữu của ông Nguyễn Văn K. Ông K cho bị cáo mượn xe để đi lại nên Cơ quan điều tra đã trả lại xe cho ông K quản lý, sử dụng.

[10] Trong vụ án này, anh Phạm Văn Đ là người cho Q gửi nhờ xe mô tô Sirius biển số 16R8-4225 và chở Q quay lại lấy xe Airblade biển số 16M8-3499. Tài liệu điều tra xác định anh Đ không liên quan đến hành vi trộm cắp của Q, không biết xe mô tô Sirius biển số 16R8-4225 là do Q phạm tội mà có nên cơ quan điều tra không xử lý.

- Về án phí:

[10] Theo quy định của pháp luật bị cáo Nguyễn Văn Q phải chịu án phí hình sự sơ thẩm để sung công quỹ Nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 254, 259, 260 và 326 Bộ luật Tố tụng hình sự,

1/ Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Q phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng điểm b, khoản 1, Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH 14 của Quốc hội. Áp dụng khoản 3, điều 7; khoản 1, Điều 173; điểm h, khoản 1, Điều 52; điểm s, khoản 1, Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Q 18 (Mười tám) tháng tù. Thời hạn tù của bị cáo Q tính từ ngày 23 tháng 11 năm 2017. Miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo Nguyễn Văn Q.

2/ Về án phí: Áp dụng khoản 2, Điều 135; khoản 2, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 6; điểm a, khoản 1, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016 buộc bị cáo Nguyễn Văn Q phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm để sung công quỹ Nhà nước.

3/ Về quyền kháng cáo:

Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng;
- Viện kiểm sát nhân dân T.P Hải Phòng;
-Viện kiểm sát nhân dân huyện A;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện A;
- Phòng PV 27 CATP;
- Phòng PC 81 CATP; Sở Tư pháp HP;
- Chi cục Thi hành án huyện A;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trương Minh Huế